

## BÁO CÁO THẨM TRA

### **Dự thảo nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Kết quả thẩm tra như sau:

#### **I. Sự phù hợp với các quy định của pháp luật**

Thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, ngày 31/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP*). Theo đó, khung mức thu phí bảo vệ môi trường của một số loại khoáng sản quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP có sự thay đổi so với khung mức thu phí bảo vệ môi trường của loại khoáng sản tương ứng tại Nghị định 164/2016/NĐ-CP. Ngoài ra, theo đánh giá của UBND tỉnh tại Tờ trình dự thảo nghị quyết, mức thu phí một số loại khoáng sản tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND chưa phù hợp với mức độ tác động, ảnh hưởng đến môi trường.

Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định: “4. Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP quy định: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này”.

Do đó, việc UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết, đúng quy định, thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

## **II. Về nội dung**

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục, mức thu, đơn vị tính phí của 27 loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*tăng thêm 06 loại khoáng sản so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*) và quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng.

## **III. Ý kiến thẩm tra của Ban**

Qua thẩm tra hồ sơ, dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách có một số ý kiến như sau:

### **1. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết**

Hồ sơ dự thảo nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng theo đúng quy trình, được các sở, ngành, địa phương tham gia góp ý, Sở Tư pháp thẩm định và cơ quan soạn thảo đã có báo cáo tiếp thu, giải trình, thuyết minh đầy đủ.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 quy định về tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để áp dụng tại địa phương theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

### **2. Về danh mục dự kiến các loại khoáng sản được quy định tính phí bảo vệ môi trường**

Tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định 40 loại khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường khi có phát sinh việc khai thác. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh đề xuất thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 27/40 loại khoáng sản theo danh mục khoáng sản quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ, trong 27 loại khoáng sản (*bao gồm: 08 loại quặng khoáng sản kim loại; 19 loại khoáng sản không kim loại*) nêu trên có 11/27 loại khoáng sản có phát sinh việc khai thác và thực hiện thu phí bảo vệ môi trường, 16/27 loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh có trữ lượng tài nguyên, chưa thực hiện khai thác trong năm 2023, dự kiến sẽ khai thác và thu phí bảo vệ môi trường trong các năm tiếp theo.

Qua khảo sát thực tế và làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban cơ bản thống nhất với danh mục của 27 loại khoáng sản do UBND tỉnh trình, tuy nhiên đối với danh mục quặng ni-ken (*nicken*) thực tế trên địa bàn tỉnh không có trữ lượng đối với loại khoáng sản này tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày

18/7/2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, đề nghị UBND tỉnh làm rõ cơ sở đưa quặng ni-ken vào danh mục các loại khoáng sản được quy định tính phí bảo vệ môi trường.

### **3. Về mức thu phí bảo vệ môi trường của các loại khoáng sản**

#### *3.1. Nội dung UBND tỉnh trình:*

Hiện nay, trong 27 loại khoáng sản UBND tỉnh trình quy định mức thu phí bảo vệ môi trường có 21 loại khoáng sản đã có trong Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh; 06 loại bổ sung mới, cụ thể:

a) Đối với 21 loại khoáng sản đã có trong Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh (*có 08 khoáng sản kim loại và 13 loại khoáng sản không kim loại*). Trong đó:

- Giữ nguyên mức thu đối với 13 loại khoáng sản như quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh tăng mức thu phí đối với 06 loại khoáng sản so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND: Quặng chì, quặng kẽm tăng từ 220.000 lên 250.000 đồng/tấn; Sỏi tăng từ 5.000 đồng lên 7.500 đồng/m<sup>3</sup>; Đá làm vật liệu thông thường tăng từ 3.000 đồng lên 4.500 đồng/m<sup>3</sup>; Cát vàng tăng từ 4.000 đồng lên 5.000 đồng/m<sup>3</sup>; Đất sét, đất làm gạch, ngói tăng từ 2.000 đồng lên 2.600 đồng/m<sup>3</sup>; Cuội sạn tăng từ 5.000 đồng lên 6.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Điều chỉnh giảm mức thu phí đối với 02 loại khoáng sản so với quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND: Quặng bạc, thiếc: giảm từ 270.000 đồng xuống 225.000 đồng/tấn; Đá Block (*bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ*) từ 70.000 đồng xuống 60.000 đồng/m<sup>3</sup>.

b) Đối với 06 loại khoáng sản bổ sung mới so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh:

Cả 06 loại khoáng sản bổ sung mới đều là khoáng sản không kim loại và được đề xuất mức thu phí bằng mức trung bình giữa của khung giá quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, trong đó:

- Có 3/6 loại khoáng sản thuộc Nghị định số 27/2023/NĐ-CP được bổ sung mới so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, được UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bảo vệ tài nguyên môi trường như sau: Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp: 4.100 đồng/m<sup>3</sup>; Đá làm flourit: 3.000 đồng/m<sup>3</sup>; Đá hoa trắng làm bột carbonat: 4.500 đồng/m<sup>3</sup>.

- Có 3/6 loại khoáng sản có khung mức thu phí bảo vệ môi trường tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không thay đổi so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, được UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường như sau: Mi-ca, thạch

anh kỹ thuật: 25.000 đồng/tấn; Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ: 60.000 đồng/m<sup>3</sup>; Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít, Ô-pan quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít: 60.000 đồng/tấn.

c) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng nêu trên.

### 3.2. Ý kiến thẩm tra của Ban:

Qua thẩm tra, Ban có một số ý kiến như sau:

a) Về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại quặng khoáng sản kim loại:

Đối với quặng sắt có khối lượng khai thác dự kiến lớn (*dự kiến khối lượng khai thác năm 2024: 372.500 tấn*), việc khai thác ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu là hình thức khai thác lộ thiên nhưng từ trình dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh lại **giữ nguyên** mức thu phí bảo vệ môi trường, trong khi đối với quặng chì, kẽm cũng có khối lượng khai thác lớn (*dự kiến khối lượng khai thác năm 2024: 311.390 tấn*), việc khai thác ảnh hưởng đến môi trường lại **tăng lên** 30.000 đồng/tấn so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND. Do đó đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với 02 loại khoáng sản nêu trên.

b) Về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản không kim loại:

Rà soát lại mức thu phí bảo vệ môi trường của: Đá Block; Cát vàng; Các loại cát khác; Cuội, sạn đảm bảo tương đồng với các tỉnh lân cận. Lý do:

- Đối với Đá Block tại Nghị định 27/2023/NĐ-CP có khung mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là 60.000 - 90.000 đồng/m<sup>3</sup>; tỉnh Bắc Kạn dự kiến thu phí BVMT: 60.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức tối thiểu của Nghị định 27/2023/NĐ-CP, trong khi đó:

+ Các tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng, Lạng Sơn quy định mức thu phí 75.000 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức trung bình giữa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Hà Giang quy định mức thu 70.000 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức trung bình thấp của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Tuyên Quang và Điện Biên quy định mức thu 90.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức tối đa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP.

- Đối với Cát vàng tại Nghị định 27/2023/NĐ-CP có khung mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là 4.500 - 7.500 đồng/m<sup>3</sup>; tỉnh Bắc Kạn đang dự kiến mức thu phí bảo vệ môi trường là 5.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức trung bình thấp của Nghị định 27/2023/NĐ-CP, trong khi:

+ Các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang, Lào Cai quy định mức thu phí 6.000 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức trung bình giữa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Tuyên Quang, Điện Biên quy định mức thu 7.500 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức tối đa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP.

- Đối với các loại cát khác tại Nghị định 27/2023/NĐ-CP có khung mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là 3.000 - 6.000 đồng/m<sup>3</sup>; tỉnh Bắc Kạn đang dự kiến mức thu phí bảo vệ môi trường là 4.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức trung bình thấp của Nghị định 27/2023/NĐ-CP, trong khi:

+ Các tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang và Lào Cai quy định mức thu phí 4.500 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức trung bình giữa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Tuyên Quang, Điện Biên quy định mức thu 6.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức tối đa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP.

- Đối với cuội, sạn tại Nghị định 27/2023/NĐ-CP có khung mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là 6.000 - 9.000 đồng/m<sup>3</sup>, tỉnh Bắc Kạn đang dự kiến mức thu phí bảo vệ môi trường là 6.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức tối thiểu của Nghị định 27/2023/NĐ-CP, trong khi:

+ Các tỉnh Thái Nguyên và Lào Cai quy định mức thu phí 7.500 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức trung bình giữa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Hà Giang quy định 7.000 đồng/m<sup>3</sup>, bằng mức trung bình thấp của Nghị định 27/2023/NĐ-CP;

+ Tỉnh Tuyên Quang, Điện Biên quy định mức thu 9.000 đồng/m<sup>3</sup> bằng mức tối đa của Nghị định 27/2023/NĐ-CP.

*(Chi tiết so sánh tại Biểu kèm theo)*

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Các vị đại biểu dự kỳ họp;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS (Hòa).

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Hoàng Minh Hải**